

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

# **KHẢO CỔ HỌC VIỆT NAM**

**TRẦN VĂN BẢO**

**2002**

|                                                      |    |
|------------------------------------------------------|----|
| MỞ ĐẦU .....                                         | 4  |
| CHƯƠNG MỘT .....                                     | 5  |
| 1. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU .....             | 5  |
| 1.1. Giai đoạn trước 1975.....                       | 5  |
| 1.2. Giai đoạn sau 1975.....                         | 7  |
| 2. CÁC DI TÍCH TIỀN SA HUỖNH .....                   | 7  |
| 2.1. Giai đoạn Xóm Cồn .....                         | 7  |
| 2.2. Giai đoạn Long Thành. ....                      | 10 |
| 2.3. Giai đoạn Bình Châu.....                        | 15 |
| 2.4. Văn hóa Sa Huỳnh .....                          | 17 |
| CHƯƠNG HAI .....                                     | 24 |
| 1. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU .....             | 24 |
| 2. DI TÍCH VÀ DI VẬT .....                           | 25 |
| 2.1. Đặc điểm phân bố và cấu trúc di tích .....      | 25 |
| 2.2. Đặc trưng di vật.....                           | 26 |
| 3. NIÊN ĐẠI VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ..... | 32 |
| 4. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN .....              | 34 |
| CHƯƠNG BA.....                                       | 37 |
| 1. ĐẶC TRƯNG DI TÍCH .....                           | 37 |
| 1.1. Đặc trưng phân bố di tích.....                  | 37 |
| 1.2. Đặc trưng mộ táng.....                          | 42 |
| 2. ĐẶC TRƯNG DI VẬT. ....                            | 43 |
| 2.1. Giới thiệu khái quát các sưu tập hiện vật ..... | 43 |
| 2.2. Các sưu tập khác ở Nam Tây Nguyên. ....         | 47 |
| CHƯƠNG BỐN.....                                      | 51 |
| 1. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ KHAI QUẬT .....              | 51 |
| A. AN GIANG .....                                    | 51 |
| B. KIÊN GIANG .....                                  | 52 |
| C. MINH HẢI.....                                     | 52 |
| D. CẦN THƠ (HẬU GIANG CŨ).....                       | 52 |
| E. TRÀ VINH (CỬU LONG CŨ).....                       | 53 |
| G. VĨNH LONG (CỬU LONG CŨ) .....                     | 53 |
| H. TIỀN GIANG .....                                  | 53 |
| I. ĐỒNG THÁP.....                                    | 54 |
| K. LONG AN.....                                      | 54 |
| L.TÂY NINH.....                                      | 55 |
| M. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH .....                       | 55 |
| N. ĐỒNG NAI.....                                     | 55 |
| O. LÂM ĐỒNG.....                                     | 56 |
| 2. LOẠI HÌNH DI TÍCH VĂN HÓA ÓC EO .....             | 56 |
| 2.1. Di chỉ kiến trúc tôn giáo. ....                 | 56 |
| 2.2. Loại hình kiến trúc mộ táng. ....               | 56 |
| 2.3. Loại hình di tích cư trú .....                  | 57 |

|                                                                                    |    |
|------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 3. DI VẬT VĂN HÓA ÓC EO.....                                                       | 58 |
| 3.1. Tượng thờ và linh vật.....                                                    | 58 |
| 3.2. Phù điêu và con dấu.....                                                      | 62 |
| 3.3. Tiền và kim loại.....                                                         | 62 |
| 3.4. Di vật bằng vàng.....                                                         | 62 |
| 3.5. Đồ trang sức và di vật bằng đá quý, đá màu, thủy tinh và kim loại thường..... | 64 |
| 3.6. Các vật dụng bằng đá.....                                                     | 65 |
| 3.7. Đồ gốm và đất nung.....                                                       | 65 |
| Phụ lục.....                                                                       | 67 |
| 1. Địa vực phân bố.....                                                            | 67 |
| 2. Đặc điểm và loại hình di tích văn hoá Đông Sơn.....                             | 68 |
| 3. Các đặc trưng cơ bản của văn hoá Đông Sơn.....                                  | 69 |
| 4. Các loại hình địa phương.....                                                   | 72 |
| 5. Các giai đoạn phát triển.....                                                   | 73 |
| 6. Niên đại.....                                                                   | 74 |

## MỞ ĐẦU

Môn Khảo cổ học được giảng cho sinh viên Khoa Lịch sử, Đại học Đà Lạt là môn học bắt buộc. Nội dung môn học này được chia thành hai phần.

**Phần thứ nhất: Cơ sở Khảo cổ học.**

Phần này có 3 chương, giảng cho sinh viên năm thứ nhất:

*Chương một.* Dẫn luận

*Chương hai.* Phương pháp nghiên cứu khảo cổ

*Chương ba.* Các thời đại khảo cổ

Phần này cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của khảo cổ học, phương pháp điều tra và khai quật khảo cổ. Nội dung chính của phần này là giới thiệu nhận thức của giới Khảo cổ học Việt nam hiện đại về thời kỳ tiền sử ở khu vực miền Bắc và Bắc Trung bộ, từ sơ kỳ đá cũ đến thời đại kim khí.

**Phần thứ hai: Khảo cổ học Việt Nam.**

Phần này có 4 chương, giảng cho sinh viên năm thứ 3:

*Chương một.* Thời đại kim khí ở Nam Trung bộ – Văn hoá Sa Huỳnh

*Chương hai.* Thời đại kim khí ở Đông Nam bộ – Văn hóa Đồng Nai

*Chương ba.* Vài nét đặc trưng hậu kỳ đá mới-sơ kỳ kim khí Nam Tây Nguyên.

*Chương bốn.* Văn hóa Óc Eo

Phần này tóm lược các giai đoạn phát triển và đặc trưng văn hóa các văn hóa thời đại kim khí, các văn hóa cổ ở khu vực miền Trung và miền Nam.

Ngoài ra, Giáo trình còn có phần phụ lục về văn hóa Đông Sơn.

## CHƯƠNG MỘT

### THỜI ĐẠI KIM KHÍ TRUNG VÀ NAM TRUNG BỘ – VĂN HÓA SA HUỖNH

#### **1. LỊCH SỬ PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU.**

##### **1.1. Giai đoạn trước 1975.**

Trong Niên giám 1909 của tập san Trường Viễn Đông Bác cổ, chúng ta nhận được những thông tin đầu tiên nói về phát hiện “một kho chum khoảng 200 chiếc nằm cách mặt đất không sâu, trong một cồn cát ven biển vùng Sa Huỳnh ...”. Tác giả bản báo cáo này là Vinet đã dùng thuật ngữ “kho” để diễn tả nhóm di tích này. Năm 1923, được sự bảo trợ của Trường Viễn Đông Bác cổ, Labarre đã tiến hành các cuộc đào bới ở vùng Sa Huỳnh, nhằm tìm kiếm hiện vật trong các kho chum. Tài liệu mà Labarre tìm được còn lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, sau này được Parmentier giới thiệu trong một bài báo ngắn.

Năm 1934, Colani được Trường Viễn Đông Bác cổ phái tới Sa Huỳnh. Tại địa điểm Thạnh Đức, Colani tìm thấy 55 chum gốm và ở Phú Khương 187 chum. Colani còn phát hiện thêm ba khu mộ chum ở Tân Long mà qua phúc tra, chúng ta biết rằng đó là các địa điểm Đồng Cườm và Bà Ná. Đồng thời Colani được nhân dân cho biết thêm hai địa điểm nữa ở Đông Phù và Phú Nhuận. Năm 1935, Colani tới Quảng Bình và phát hiện hai khu mộ chum nữa ở Cương Hà và Cổ Giang.

Năm 1939, nhà khảo cổ học Thụy Điển O. Jansé lại khai quật khu vực Sa Huỳnh và phát hiện được 84 mộ chum ở Phú Khương. Hiện vật của đợt khai quật này bị lấy mang đi và báo cáo khoa học thì không được công bố. Về hoạt động của O. Janse ở Sa Huỳnh chúng ta chỉ nhận thức được qua vài báo ngắn.

Năm 1951, Malleret đã đến khảo sát và đào thám sát Sa Huỳnh nhưng không thu được kết quả gì mới. Năm 1959, ông cho công bố bài viết “Một vài đồ gốm Sa Huỳnh trong mối tương quan với các di chỉ khác ở Đông Nam Á”.

Trong các thập kỷ 60 và đầu 70 những đóng góp của Saurin và Fontaine đã nhận thức về văn hoá Sa Huỳnh lên một bước mới. Năm 1966, Saurin công bố về phát hiện địa điểm Dầu Giây (Đồng Nai). Năm 1973, ông công bố tiếp phát hiện địa điểm Hàng Gòn (Đồng Nai). Hai địa điểm mới này là những khu mộ chum đã bị đào phá để xây dựng. Năm 1972, Fontaine công bố phát hiện một cánh đồng

chum mới ở Phú Hoà cũng thuộc tỉnh Đồng Nai. Năm 1973, Fontaine và Hoàng Thị Thân công bố tiếp một ghi chú mới về khu mộ Phú Hoà.

Những phát hiện mới ở lưu vực sông Đồng Nai đã mở rộng địa bàn phân bố văn hóa Sa Huỳnh về phía nam và cung cấp những niên đại C14 đầu tiên cho nhóm di tích mộ chum thuộc văn hoá Sa Huỳnh ở Đồng Nai.

Đáng lưu ý là trong giai đoạn nghiên cứu này, người có nhiều công lao nghiên cứu và đặt văn hoá Sa Huỳnh trong bối cảnh Đông Nam Á là học giả Mỹ W.C.Solheim II. Tại Philippines, Solheim đã nghiên cứu gốm các địa điểm ở Kalanay trong sự so sánh với gốm Sa Huỳnh và nêu lên một “phức hệ gốm Sa Huỳnh - Kalanay”. Sau này, ông đưa ra cái gọi là “truyền thống gốm Sa Huỳnh - Kalanay” ở Đông Nam Á. Nếu “phức hệ gốm Sa Huỳnh - Kalanay” được Solheim chấp nhận niên đại khoảng nửa cuối thiên niên kỷ I trước Công nguyên, thì “truyền thống gốm Sa Huỳnh - Kalanay” được ông mở rộng khung niên đại đến thiên niên kỷ II trước Công nguyên. Trong nhiều bài viết của mình, Solheim đã nêu lên những đồ gốm thuộc truyền thống Sa Huỳnh - Kalanay có mặt tại Việt Nam và Philippines như ở Thái Lan, Malaixia, Indonexia...và gắn chủ nhân của truyền thống gốm này với cư dân nói ngôn ngữ Nam Đảo (Malays - Polynesian). Đi xa hơn, ông còn xác định quê hương đầu tiên của chủ nhân gốm Sa Huỳnh - Kalanay là ở vùng Đông Bắc Indonexia và Nam Philippines. Tuy nhiên, nhiều giả thuyết của ông không phải đã được mọi nhà khảo cổ học nghiên cứu về Đông Nam Á đồng tình.

Tóm lại, thời kỳ nghiên cứu của các học giả nước ngoài về văn hoá Sa Huỳnh ở Việt Nam từ 1909 đến 1975 đã có một số đóng góp nhất định trong nhận thức chung về văn hoá này. Trong quá trình 65 năm tìm kiếm, các học giả nước ngoài đã phát hiện được gần 20 địa điểm mộ táng, với số lượng vò táng khoảng gần 1000 chiếc. Đồ tuỳ táng thu được không nhiều, bao gồm các chủng loại đá, đồng, sắt, thuỷ tinh và đồ gốm. Đáng chú ý là so với các chủng loại hiện vật văn hoá Đông Sơn thì đồ sắt đã chiếm số lượng đáng kể. Mới tính trong ba khu mộ Hàng Gòn, Phú Hoà, Sa Huỳnh, số lượng đồ sắt đã lên đến 250 hiện vật bao gồm công cụ sản xuất, vũ khí và đồ trang sức. Trái lại, đồ đồng thau trong văn hoá Sa Huỳnh tìm được rất ít, trên dưới 50 hiện vật và chủ yếu là đồ trang sức. Đồ đá và thuỷ tinh khá phong phú về số lượng và loại hình, gồm công cụ sản xuất như rìu, cuốc và đồ trang sức như hạt chuỗi, khuyên tai...Đồ gốm Sa Huỳnh rất phong phú về số lượng và loại hình, bao gồm nồi, đĩa, bát chân cao, bình có núm, bình lọ hoa, đèn gốm, gốm minh khí...Vò táng có loại hình trứng, hình cầu nhưng chủ yếu là loại hình trụ. Nắp dầy vò táng có hình bát bồng, hình trụ và hình nón cụt.

## **1.2. Giai đoạn sau 1975.**

Năm 1976 và 1977, có hai đợt điều tra và thám sát tại khu vực Sa Huỳnh do Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh và Viện Khảo cổ học tổ chức. Đáng chú ý là những đợt nghiên cứu khu vực Sa Huỳnh lần sau đã phát hiện được một khu cư trú với tầng văn hóa có độ dày trên 2m.

Cũng trong năm 1977, Viện Bảo tàng Lịch sử phối hợp với Sở Văn hoá - Thông tin Nghĩa Bình (cũ) khai quật 250m<sup>2</sup> tại một địa điểm cũng trên gò cát có tên gò Ma Vương ở thôn Long Thạnh II. Hai hố khai quật được tiến hành ở hai địa điểm cách nhau 200m. Đợt khai quật này cũng phát hiện được một khu cư trú có tầng văn hoá dày 1,8m với hai lớp văn hoá ngăn cách nhau bởi một lớp cát trắng dày 0,2m. Trong lớp đất cư trú đã phát hiện dấu vết còn lại của các mộ chum mà trước đây đã bị đào phá và 3 mộ chum còn khá nguyên vẹn.

Tóm lại trong vòng 20 năm nghiên cứu của giai đoạn sau năm 1975, chúng ta đã phát hiện và nghiên cứu một loạt di tích mới, phân bố trên hầu hết các tỉnh ven biển miền Trung từ Quảng Trị đến Bình Thuận và cả ở một số tỉnh miền núi như Gia Lai - Kontum hay các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước...cung cấp nhiều tư liệu mới, phong phú đa dạng. Đặc biệt phải nhấn mạnh đến việc tìm ra vết tích cư trú của văn hoá Sa Huỳnh mà trong giai đoạn nghiên cứu trước các học giả nước ngoài không phát hiện ra như ở khu vực Sa Huỳnh hay chưa khẳng định được như ở Hàng Gòn, Dầu Giây...

Điều cần nhấn mạnh nữa là trong khi nghiên cứu văn hoá Sa Huỳnh giai đoạn này, chúng ta đã tìm ra một loạt các di tích Tiền Sa Huỳnh có niên đại sớm thuộc thời đại đồng thau, có mối liên hệ nguồn gốc và phát triển nối tiếp với các di tích Sa Huỳnh cổ điển - Sa Huỳnh thuộc thời đại sắt sớm.

## **2. CÁC DI TÍCH TIỀN SA HUỠNH**

### **2.1. Giai đoạn Xóm Cồn**

#### ***2.1.1. Địa vực phân bố.***

Khác với giai đoạn Long Thạnh hay Bình Châu, giai đoạn Xóm Cồn đã được xác lập thành một văn hoá khảo cổ riêng biệt. Cho đến nay đã phát hiện được 8 địa điểm thuộc văn hoá Xóm Cồn. Các di tích này phân bố ở đồng bằng ven biển và các đảo ven bờ hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà. Đây là những đồng bằng nhỏ hẹp,

không tách biệt với vùng núi về mặt nguồn gốc phát sinh. Trên đồng bằng người ta còn thấy có những cồn cát trắng bọc những đầm phá lớn, đường bờ biển lô nhô dạng răng cưa, xen kẽ là những vùng vịnh tự nhiên khá kín, che chắn cho các bãi biển trong vùng. Cư dân văn hoá Xóm Cồn đã tụ cư ở những cồn cát trên dải đồng bằng ven biển ấy, hoặc trên các hòn đảo không xa bờ.

Trong số 8 địa điểm văn hoá Xóm Cồn, về mặt tự nhiên có thể nhận rõ 2 loại địa hình cư trú: trong đất liền (Xóm Cồn, Gò Ốc, Giồng Đồn) và các đảo gần bờ (Bình Hưng, Bình Ba, Bích Đầm, Bãi Trủ và Đầm Già). Dù cư trú ở đất liền hay trên đảo, người cổ Xóm Cồn đều tụ cư trên các cồn cát, một mặt liền kề với biển, một mặt liền kề với những vạt rừng chân núi. Biển – núi là nguồn cung cấp thực phẩm chính cho cư dân cổ ở đây.

### **2.1.2. Đặc trưng văn hoá.**

Đồ đá văn hoá Xóm Cồn là một trong những tiêu chí quan trọng để nhận diện văn hoá, qua 2 nhóm di vật.

Nhóm công cụ sản xuất bao gồm các loại: 23 công cụ ghè đẽo và mảnh tước; 81 rìu, bôn, đục mài toàn thân; 108 công cụ không gia công như chày, hòn ghè, hòn kê, bàn mài.

Nhóm đồ trang sức có 8 tiêu bản gồm vòng tay và hạt chuỗi. Nhìn chung, đồ đá được làm từ đá trầm tích biến chất hoặc đá cuội khai thác tại chỗ. Ghè đẽo và mài là hai thủ pháp kỹ thuật được dụng trong chế tác công cụ như rìu, bôn, đục. Kỹ thuật khoan cửa, đánh bóng được dùng chế tác đồ trang sức. Đặc trưng nổi bật trong di vật đá là sự độc tôn loại rìu, bôn, đục không có vai, phổ biến loại rìu bôn hình thang đốc thuôn nhỏ, mặt cắt ngang hình chữ nhật hoặc thấu kính. Ở đây cũng có mặt công cụ ghè đẽo kiểu Hoà Bình và đồ trang sức nhưng rất hiếm.

Đồ xương và nhuyễn thể trong văn hoá Xóm Cồn có số lượng đáng kể và khá đa dạng về loại hình. Đây là nhóm di vật tạo nên đặc trưng rõ nét của văn hoá này. Theo thống kê năm 1996, trong 8 địa điểm của văn hoá Xóm Cồn đã phát hiện được 84 công cụ lao động với một vài mũi dùi, mũi lao làm bằng xương hoặc sừng, còn tuyệt đại đa số làm bằng vỏ nhuyễn thể bao gồm các loại hình như công cụ ghè đẽo, công cụ nạo và hòn ghè. Bên cạnh đó còn có 18 mảnh vòng trang sức bằng vỏ ốc tai tượng và một số lõi vòng cũng bằng vỏ ốc. Những loại hiện vật này lần đầu tiên phát hiện thấy ở Việt Nam. Song chúng đã được tìm thấy nhiều ở khu vực cực Nam Nhật Bản, Đông Đài Loan, Bắc Philippines và Nam Thái Lan.

Đồ gốm xuất hiện trong hầu khắp các di chỉ văn hoá Xóm Cồn, với số lượng khác nhau, chẳng hạn ở Xóm Cồn có 33.000 mảnh, Bích Đầm có 7.800 mảnh, Gò



Ốc có 1900 mảnh... Đồ gốm trong các di tích văn hóa Xóm Cồn khá đồng nhất về chất liệu, kỹ thuật chế tạo, loại hình và hoa văn trang trí. Loại gốm có xương màu đen chiếm đa số (86%), còn loại xương đỏ chiếm ít hơn (14%). Phần lớn gốm trong văn hoá Xóm Cồn đã sử dụng đất sét pha cát biển, hạt cát tương đối mịn (đối với loại gốm xương đen).

Xét về loại hình gốm thì đơn điệu, nhưng rất phong phú về kiểu dáng, với những biến thể khác nhau. Ví như, trong cùng một loại nổi đáy tròn miệng loe, có dáng loe vừa, có dáng loe gầy; có dạng vành miệng hơi khum lòng máng; có kiểu miệng mép tròn, có kiểu miệng mép vuông. Có nổi vai hơi xuôi, có nổi vai cong tròn.v.v.

Đồ gốm ở đây chủ yếu được nặn bằng tay kết hợp với bàn đập – hòn kê. Kỹ thuật bàn xoay dường như chỉ được áp dụng ở khâu hoàn thiện. Mặt ngoài đồ gốm thường được phủ bằng vữa chải, rất ít vẽ thừng. Hoa văn trang trí là văn khắc vạch, in chấm, dán thêm, tô màu. Loại văn in chấm với phương pháp dùng que nhiều răng tạo những đường in chấm ziczắc rất đặc trưng cho gốm Xóm Cồn. Bên cạnh đó đã thấy xuất hiện văn vẽ màu trên nền áo đỏ hoặc da cam với những đường xoắn ốc, tương tự hoa văn gốm Ban Chiang (Thái Lan). Điều ghi nhận nữa là ngoài các kiểu dáng nổi gốm, trong văn hoá Xóm Cồn còn tìm thấy một số loại hình bát và đĩa mâm bằng có tô màu đỏ, nhưng lại thiếu vắng bi gốm, dọi xe chỉ và chì lưới.

Hiện nay vấn đề chủ nhân và niên đại của văn hoá Xóm Cồn còn quá ít tư liệu. Kết quả giám định rằng người cổ ở Bình Ba gợi ra rằng, chủ nhân văn hoá Xóm Cồn có thể thuộc chủng Australo – Mongoloid, trong đó nét Mongoloid nổi trội hơn.

Hiện nay mới có 2 niên đại C14 cho 2 địa điểm văn hoá Xóm Cồn. Tại Xóm Cồn mẫu ốc ở lớp cuối là  $4140 \pm 80$  năm cách ngày nay và Bích Đầm (lớp dưới) là  $2935 \pm 65$  năm cách ngày nay. Vũ Quốc Hiền cho rằng, Xóm Cồn thuộc thời đại đồng và niên đại trong khoảng 3500 - 3000 năm cách nay.

Trong các di tích Xóm Cồn chưa tìm thấy di vật đồng hoặc xỉ đồng. Tuy nhiên, trong tầng văn hoá của di chỉ Bích Đầm đã phát hiện được 1 chiếc khuôn đúc bằng đá, có khả năng là khuôn đúc hở, một mang. Bằng chứng đó góp phần khẳng định văn hoá Xóm Cồn đã bước vào thời đại kim khí.

Những tư liệu thám sát và khai quật từ các di tích thuộc văn hoá Xóm Cồn đã xác nhận rằng, cư dân cổ ở đây là những người săn bắt, đánh cá, khai thác nguồn lợi biển. Có nhiều khả năng họ đã biết đến trồng trọt và chăn nuôi. Và họ đã biết chế tạo đồ trang sức dùng để trao đổi với các nơi khác. Phương thức khai thác biển

từ nguồn thực phẩm đến nguyên liệu để chế tác công cụ và đồ trang sức đã xác nhận rằng, họ là chủ nhân của nền văn hoá biển tiêu biểu ở Nam Trung Bộ.

Văn hoá Xóm Cồn là một điểm sáng trong nền cảnh văn hoá tiền sử miền Nam Trung bộ, thể hiện trên những nét chính sau đây:

- Văn hoá Xóm Cồn là một văn hoá biển, với tích tụ dày vỏ các loại nhuyễn thể biển, với sự độc tôn của rìu không có vai mài nhẵn toàn thân, sự phổ biến công cụ và đồ trang sức làm từ vỏ ốc biển, với sự áp đảo của gốm văn chải, và sự độc đáo trong trang trí in chấm những đường ziczắc và đặc biệt là sự có mặt đồng thời gốm tô màu và vẽ màu. Những đặc trưng đó, khiến không thể lẫn văn hoá Xóm Cồn với bất cứ một văn hoá tiền sử nào đã biết ở Việt Nam.

- Văn hóa Xóm Cồn có thể được coi như một cầu nối các văn hoá đương thời ở lưu vực sông Đồng Nai với khu vực miền Trung và Tây Nguyên, một trong số những nguồn hợp tạo dựng văn minh Sa Huỳnh ở Nam Trung Bộ.

Xác lập văn hoá Xóm Cồn là một thành tựu quan trọng của khảo cổ học Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu như nguồn gốc, niên đại và chủ nhân văn hoá Xóm Cồn.

## **2.2. Giai đoạn Long Thạnh.**

### ***2.2.1. Địa vực phân bố.***

Nhìn trên bản đồ phân bố các di tích văn hoá Sa Huỳnh, chúng ta nhận thấy rằng hầu hết các di tích văn hoá Sa Huỳnh đều phân bố dọc ven biển Nam Trung bộ Việt Nam. Vị trí phân bố hoặc trên các đồi gò cát ven biển hoặc trên các đồi đất, chân núi. Thỉnh thoảng chúng ta cũng gặp các khu mộ hoặc các khu cư trú ở gần các dòng sông đổ ra biển hoặc trên các đảo cát nhỏ gần bờ do các dòng hải lưu tạo nên. Những phát hiện ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định gần đây cung cấp thêm những tư liệu mới về những loại hình Sa Huỳnh vùng núi, cách xa biển 50 – 60 km có những sắc thái văn hoá núi rất đặc sắc trong nội dung văn hoá của các di tích đó. Trong đó phần lớn là những di tích Sa Huỳnh khá muộn, thuộc sơ kỳ sắt, trừ một vài di tích có thể thuộc sơ kỳ đồng thau như Gò Miếu, Trà Xuân, Tịnh Thọ...

Cư dân Sa Huỳnh trong quá trình vận động đã chiếm lĩnh, hòa điệu và biến cải môi trường sống với thể trước mặt là biển khơi, phía sau là dải đồng bằng trước núi và xa hơn là các dãy núi điệp trùng, đã trải dài qua hàng nghìn năm vật lộn với